TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/DS - PT
Ngày: 15-9-2023
V/v tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Phượng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 174/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ 4 thị trấn N, huyện N, tỉnh N. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Thanh T1 , sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 157 đường H, phường N, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn Q , sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 157 đường H, phường N, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn N , sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 4 thị trấn N, huyện N, tỉnh N. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N : Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ 4 thị trấn N, huyện N, tỉnh N. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 10-8-2023)

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T (là nguyên đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01-10-2022; Bản tự khai cũng như trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T2 trình bày*: Giữa bà Nguyễn Thị T và bà Trần Thị Thanh T1 có quan hệ quen biết từ trước. Bà T đã cho bà T2 vay số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng để đầu tư xây dựng khu sinh thái Q T2 . Nguồn gốc số tiền này là tài sản chung của bà và ông Nguyễn Văn N . Bà T đã giao số tiền trên cho bà T2 tại số nhà 157 đường H, phường N, thành phố Nlàm 02 lần: Lần 1 vào ngày 27-6-2019 giao 500.000.000 đồng, lần 02 vào ngày 30-10-2019 giao 400.000.000 đồng. Khi bà T giao tiền thì bà T2 đã tự viết giấy biên nhận. Về lãi suất: hai bên thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Tuy không thỏa thuận về thời hạn vay nhưng trong trường hợp cần tiền thì bà T báo trước cho bà T2 một tuần để bà T2 thanh toán gốc và lãi cho bà. Bà T2 đã trả 06 tháng tiền lãi là 45.000.000 đồng cho bà T đối với khoản vay 500.000.000 đồng. Đối với khoản vay 400.000.000 đồng bà T2 đã trả 02 tháng tiền lãi là 12.000.000 đồng. Khi nhận tiền lãi thì bà T đã ký vào sổ tay của bà T2 . Từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay bà T2 không trả tiền gốc và lãi cho bà T nữa. Bà T đã nhiều lần liên lạc với bà T2 để yêu cầu thanh toán tiền gốc và lãi nhưng không liên lạc được. Bà T đã tố cáo hành vi của bà T2 tới Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định. Tuy nhiên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự do sự việc không có dấu hiệu tội phạm. Nay bà T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Thanh T1 và ông Trần Văn Q phải trả cho bà T và ông Nguyễn Văn N tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

* Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bà Trần Thị Thanh T1 và ông Trần Văn Q ; Tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bà T2 và ông Q nhưng bà T2 , ông Q không đến làm việc nên không có lời khai tại tòa án.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông xác nhận nguồn gốc số tiền 900.000.000 đồng mà bà T cho bà T2 vay là tiền của vợ chồng ông. Vợ chồng ông đã bàn bạc, thống nhất cho bà T2 vay số tiền trên. Tuy nhiên, việc giao tiền và nhận lãi là do bà T thực hiện. Ông thống nhất quan điểm với bà T , đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định buộc bà Trần Thị Thanh T1 phải trả tiền gốc đã vay là 900.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản xác minh ngày 21-10-2022, Công an phường Ngô Quyền cung cấp: Vợ chồng ông Trần Văn Q , bà Trần Thị Thanh T1 sinh sống tại số

nhà 157 đường H, phường N, thành phố N. Trước năm 2020 ông Q , bà T2 có mở hiệu cầm đồ Q T tại địa chỉ trên để kinh doanh cầm đồ. Tháng 01 năm 2020 bà T2 , ông Q đã đi nơi khác sinh sống. Trước khi đi ông Q , bà T2 không báo tạm vắng nên chính quyền địa phương không biết địa chỉ hiện tại của ông Q , bà T2 . Căn nhà 157 đường H, phường N không còn ai thân thích của ông Q , bà T2 sống.

* Tại Công văn số 25087/QLXNC-P5 ngày 22-11-2022, Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an trả lời không có thông tin cấp hộ chiếu, xuất nhập cảnh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh của Trần Thị Thanh T1 và Trần Văn Q .

* Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Nam Định đã quyết định:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T .

Buộc bà Trần Thị Thanh T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 12-5-2023 là 1.199.899.542 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi chín triệu tám trăm chín mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13-5-2023) cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Thanh T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 02 tháng 6 năm 2023, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là bà Nguyễn Thị T2 có kháng cáo với nội dung: Ông Trần Văn Q và bà Trần Thị Thanh T1 hiện vẫn còn hôn nhân; Về lãi suất ông Q và bà T2 đã thỏa thuận với bà là 20%/năm và trả lãi hàng tháng cho đến khi bỏ đi. Nay bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Trần Văn Q và bà Trần Thị Thanh T1 phải trả cho bà cả gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên toà:

- Bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện VKS trình bày quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp phúc

thẩm và xem xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T , VKSND tỉnh Nam Định thấy rằng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đúng các qui định của Điều 70, 71, 72, 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị T có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới. Cấp sơ thẩm xử buộc bà Trần Thị Thanh T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N số tiền nợ gốc và lãi là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 12-5-2023 của Toà án nhân dân Thành phố Nam Định; Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 26 tháng 5 năm 2023, bà Nguyễn Thị T có kháng cáo và nộp cho Tòa án đơn kháng cáo đánh máy đứng tên Nguyễn Thị T nhưng ở mục người kháng cáo lại thể hiện ký tên ghi là "T". Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị T có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T2 có toàn quyền quyết định giải quyết mọi công việc trong vụ án cho đến khi giải quyết xong vụ án. Ngày 26-5-2023, Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định đã ban hành "Thông báo về việc yêu cầu làm lại, sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo" và ngày 02-6-2023, bà Nguyễn Thị T2 nộp lại đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo được làm đúng theo quy định tại Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự; do vậy, kháng cáo của bà T2 được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là bà Trần Thị Thanh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Q vẫn vắng mặt không có lý do. Ông Nguyễn Văn N vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T . Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T , Hội đồng xét xử nhận định:

2.1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Trần Thị Thanh T1 và ông Trần Văn Q phải trả cho bà và ông Nguyễn Văn N tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật; đồng thời nguyên đơn nộp cho Tòa án "Giấy biên nhận".

Xét nội dung "Giấy biên nhận" thể hiện: *"Tôi là Trần Thị Thanh T1 Đ/c: 157 H có vay em T N Đ/c: thôn N N số tiền là: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng chẵn)* và thể hiện ngày lập giấy là ngày 30/10/2019DL; người vay ký, ghi tên Trần Thị Thanh T1 . Phía cuối trang giấy thể hiện *"trả lãi 30/11/2019, 30/12/19"*

Tại "Giấy biên nhận" đề ngày 27/6/2019 DL cũng thể hiện: *"Tôi là Trần Thị Thanh T1 có vay của em T N Đ/c: thôn N N số tiền là: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn;* người vay ký, ghi tên Trần Thị Thanh T1 . Phía cuối trang giấy thể hiện các dòng chữ số*"27/7/19, 27/8/19, 27/9/19, 27/10/19 DL, 27/11/19 DL, 27/12/2019"*

Xét thấy, bà Nguyễn Thị T khởi kiện và cho rằng bà T đã cho bà T2 vay số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng để đầu tư xây dựng khu sinh thái Q T2 . Nguồn gốc số tiền cho vay này là tài sản chung của bà và ông Nguyễn Văn N . Bà T đã giao số tiền trên cho bà T2 tại số nhà 157 đường H, phường N, thành phố N làm 02 lần: Lần 1 vào ngày 27-6-2019 giao 500.000.000 đồng, lần 02 vào ngày 30-10-2019 giao 400.000.000 đồng. Bà T cho rằng, khi bà T giao tiền thì bà T2 đã tự viết giấy biên nhận.

Theo Bản kết luận giám định số 1140/KLGĐ-PC09 ngày 02-12-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: Chữ ký, chữ viết Trần Thị Thanh T1 trên giấy biên nhận đề ngày 27-6-2019 và ngày 30-10-2019 so với những mẫu chữ ký, viết tên trong Hợp đồng ủy quyền giữa bà Trần Thị Thanh T1 và ông Trần Văn Q với ông Trần Viết N do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định thu thập là do cùng một người ký, viết ra.

Như vậy, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà T2 trả cho bà số tiền đã cho vay là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, theo nội dung của 02 "Giấy biên nhận" được lập thể hiện là Trần Thị Thanh T1 có vay của em T N song việc giao nhận tiền và ký nhận thì chỉ có bà Trần Thị Thanh T1 viết và ký giấy biên nhận. Không có căn cứ vững chắc việc ông Trần Văn Q cùng tham gia nhận tiền. Nội dung của "Giấy biên nhận" cũng không thể hiện mục đích vay để làm gì và cũng không có căn cứ việc bà T2 vay tiền để chi tiêu chung trong gia đình. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Nguyễn Thị T2 cũng có quan điểm cho rằng không yêu cầu ông Trần Văn Q phải có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi cùng bà T2 . Do vậy, cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T , buộc bà Trần Thị Thanh T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N số tiền đã vay là hoàn toàn có căn cứ pháp lý; không có căn cứ buộc ông Trần Văn Q phải có trách nhiệm trả khoản nợ vay cho bà T cùng với bà T2 theo như kháng cáo.

2.2. Về lãi suất: "Giấy biên nhận" được lập và do chính bà Trần Thị Thanh T1 viết và ký nhận nhưng không thể hiện về lãi suất khi cho vay. Bà T cho rằng, khi cho vay hai bên thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Tại phiên tòa, bà T xác nhận bà T2 đã trả cho bà 06 tháng tiền lãi của khoản vay 500.000.000 đồng là 45.000.000 đồng và 02 tháng tiền lãi là 12.000.000 đồng của khoản vay 400.000.000 đồng; khi nhận tiền lãi thì bà T đã ký vào sổ tay của bà T2 .

Do bà Trần Thị Thanh T1 , ông Trần Văn Q không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, không lấy được lời khai của bà T2 , ông Q nên không có căn cứ xác định được rõ lãi suất. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; buộc bà Trần Thị Thanh T1 còn phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T tổng tiền lãi của 02 khoản vay là (168.584.474 đồng + 131.315.068 đồng) = 299.899.542 đồng.

Do ông N và bà T xác định đây là tài sản chung của vợ chồng nên cấp sơ thẩm đã buộc bà Trần Thị Thanh T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà T và ông N số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (12-5-2023) của 02 khoản

vay tổng cộng là (500.000.000 đồng + 400.000.000 đồng + 299.899.542 đồng) = 1.199.899.542 đồng cũng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại cấp phúc thẩm, các đương sự cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác nữa để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự có kháng cáo phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Nam Định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng do bà Nguyễn Thị T2 nộp thay bà Nguyễn Thị T theo biên lai thu tiền số 0000132 ngày 05-6-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Nam Định; bà T đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC - VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Mai Thị Minh Hồng